TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 03-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Dõi

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Võ Duy Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2020/TLST-HS, ngày 20-10-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS, ngày 23-11-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Vi V**, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1992, tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T và bà Phan Thị Kim A; có chồng Nguyễn Quang N (đã ly hôn tháng 7/2020) và có 01 con sinh ngày 05/12/2018; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự: Vào tháng 8/2019, có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở thành phố Quảng Ngãi, bị công an thành phố Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền theo Quyết định số 43/QĐ-VPHC ngày 03/11/2019, đã thi hành xong.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/6/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo**: Ông Lê Hoàng Hiếu – Luật sư Công ty luật TNHH HK & Gia Luật chi nhánh Quảng Ngãi. Có mặt

**** Người bị hại:***

- Chị Lê Thị O, sinh năm 1992. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố U, thị trấn H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Châu Hoàng H1, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn G, xã K, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Phúc T1, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- **Bà Phan Thị Kim A1**, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Anh Trần Bảo T2**, sinh năm 1992

Trú tại: Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Vi V (sinh ngày 20/01/1992, trú tại thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi), không có nghề nghiệp, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. V sử dụng điện thoại di động hiệu IPHONE để lên mạng xã hội FACEBOOK tìm kiếm có ai mua bán heo thì lấy thông tin để lừa đảo thu mua heo để chiếm đoạt tài sản. Khoảng 18 giờ ngày 16/5/2020, V sử dụng điện thoại IPHONE để lên mạng xã hội FACEBOOK tìm kiếm thì thấy trang FACEBOOK M (người sử dụng là chị Lê Thị O, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố U, thị trấn H, huyện S) có đăng tin với nội dung "cần bán gấp đàn heo" và có số điện thoại 0382849771. V sử dụng số điện thoại 0799346753 của mình để liên lạc với số điện thoại 0382849771 của chị O để hỏi mua 70 con heo con giống. V sử dụng số điện thoại 0799346753 đăng ký tài khoản ZALO là Thủy Kim để liên lạc với ZALO của chị Lê Thị O được đăng ký bằng số điện thoại 0382849771.

Sau khi liên lạc, nói chuyện trên ZALO thì chị O đồng ý bán cho V số lượng 70 con heo con với giá mỗi con là 2.500.000 đồng, tổng cộng là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), nhưng chị O có giảm giá cho V 2.000.000 đồng (tiền xe vận chuyển). V phải trả cho chị O 173.000.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Lúc này, do 70 con heo của chị O đã ở trên xe đang vận chuyển ra các tỉnh phía Bắc để bán nên chị O có nói với V "xe heo đã đi đến Huế hay Quảng Bình rồi, em có mua được không, V nói "Chị cho xe dừng lại đi, em kiếm xe chở vô lại Quảng Nam". Sau đó, chị O liên lạc với V nói xe dừng lại ở Quảng Bình rồi và chị O có gửi cho V số tài khoản 05011898179, chủ tài khoản là anh Lê Đình H1 (sinh năm 1991, trú tại xã V1, huyện B, tỉnh Thanh Hóa là chồng của chị O) được mở tại

ngân hàng SACOMBANK, yêu cầu V phải chuyển tiền vào tài khoản cho O trước rồi mới giao nhận heo.

Khi nhận được số tài khoản ngân hàng do chị O gửi thì V sử dụng điện thoại di động IPHONE vào tập tin WORD lưu sẵn trên điện thoại để thao tác chỉnh sửa phiếu chuyển tiền, điền vào thông tin như thông tin tài khoản mà chị O gửi rồi chụp lại màn hình, gửi hình ảnh qua ZALO cho chị O thể hiện là V đã chuyển số tiền 173.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng) cho chị O. Khi nhận được được hình ảnh về phiếu chuyển tiền trên thì chị O tin tưởng V đã gửi tiền vào tài khoản nên đồng ý giao 70 con heo con cho V và gọi điện ZALO cho V, nói V cho xe nhận heo, đồng thời gửi số điện thoại của tài xế xe chở heo cho V để liên lạc nhận heo.

Trần Thị Vi V lên trang mạng GOOGLE tìm kiếm thông tin số điện thoại xe chở hàng ở Quảng Bình, lấy số điện thoại, liên lạc, thỏa thuận giá chở heo với 01 tài xế ở tỉnh Quảng Bình (không rõ lai lịch) đi từ Quảng Bình vào Quảng Nam với giá 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) rồi đưa số điện thoại tài xế xe chở heo của chị O cho tài xế xe trên. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, V nhận được thông tin bên phía tài xế xe chị O đã chuyển heo cho phía tài xế do V thuê.

Sau đó, V tiếp tục lên trang mạng GOOGLE tìm kiếm thông tin số điện thoại xe chở hàng ở Quảng Nam, lấy số điện thoại, liên lạc, thỏa thuận giá chở heo đi từ Quảng Nam vào Quảng Ngãi với anh Nguyễn Phúc T1 (sinh năm 1979, trú tại thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam) tài xế xe tải biển kiểm soát 92C-171.27 là sáng ngày 17/5/2020, nhận chở hàng cho V và anh T1 đồng ý.

Khoảng 4 giờ ngày 17/5/2020, Trần Thị Vi V điều khiển xe mô tô 76K1-136.70 đi từ xã R, huyện Q đến tiệm cầm đồ X (địa chỉ: 883 Q2, thành phố Quảng Ngãi) để cầm cố xe mô tô 76K1-136.70 lấy số tiền 10.000.000đ rồi đi đến cây xăng Y ở thành phố Quảng Ngãi. Tại đây, V thuê một người đàn ông (không rõ lai lịch) với số tiền 500.000 đồng rồi cùng V đón xe khách đi đến cây xăng B1 ở E2, Quảng Nam để nhận và khiêng heo từ xe tải V thuê ở Quảng Bình sang xe tải của anh Nguyễn Phúc T1.

Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 17/5/2020, xe chở heo từ Quảng Bình vào đến huyện E2, tỉnh Quảng Nam thì liên hệ với Trần Thị Vi V, V hẹn xe đỗ tại cây xăng B1 ở E2, Quảng Nam. V liên hệ với anh Nguyễn Phúc T1 điều khiển xe 92C-171.27 đi đến cây xăng B1 để sang heo chở về. Sau khi chuyển heo từ xe Quảng Bình sang xe của anh Nguyễn Phúc T1 thì V trả tiền xe cho nhà xe Quảng Bình là 8.500.000đ (tài xế xe này đòi thêm tiền). Rồi V và người đàn ông cùng V ra Quảng Nam khiêng heo đi cùng xe của anh T1 về Quảng Ngãi.

Khi xe về đến cây xăng Y ở thành phố Quảng Ngãi, người đàn ông V thuê khiêng heo xuống xe, còn V do sợ thiếu tiền trả tiền thuê xe, V yêu cầu dừng xe chờ tại đây và thuê taxi đến tiệm cầm đồ 883 Q2, thành phố Quảng Ngãi để lấy thêm số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) rồi quay lại cây xăng, cùng xe của anh T1 đi về huyện Q. Trên đường đi, V liên lạc với anh Châu Hoàng H1 (Sinh năm 1978, trú tại G, xã K, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi) để xin gửi nhờ heo thì anh H1 đồng ý.

V chỉ đường cho anh T1 đi đến nhà anh H1, chuyển heo xuống gửi ở chuồng heo nhà anh H1, V trả tiền xe cho anh T1 là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Trần Thị Vi V đã đăng thông tin bán số heo trên lên trang mạng xã hội của mình. Đến ngày 18/5/2020, tại nhà anh Châu Hoàng H1, Trần Thị Vi V đã bán 68 con heo cho một người đàn ông ở huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi (không rõ lai lịch cụ thể) với số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Còn 02 con heo con còn lại thì V cho anh H1 nuôi giống, sau đó 01 con heo đã bị bệnh chết. Số tiền 110.000.000đ này, V đã đưa cho mẹ ruột mình là bà Phan Thị Kim A1 (Sinh năm 1968, trú tại thôn E, xã R, huyện Q) số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); đưa anh Trần Bảo T2 (Sinh năm 1992, trú tại thị trấn Q, huyện Q) mượn số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng; trả cho tiệm cầm đồ lấy lại xe mô tô và chi phí phát sinh tiền xe di chuyển (tiền thuê xe chở heo từ Quảng Bình về Quảng Nam, từ Quảng Nam về Quảng Ngãi, thuê người khiêng heo, tiền taxi đi lại tiệm cầm đồ) với tổng số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); đóng tiền bảo hiểm cho cháu Nguyễn Quang K1 (Sinh ngày 05/12/2018, là con trai của V) với số tiền 15.200.000đ (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng); còn lại 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) V sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện S nhận được tố giác của bà Lê Thị O về vụ việc trên. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thụ lý, tiến hành kiểm tra xác minh, triệu tập Trần Thị Vi V làm việc và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp các đồ vật có liên quan.

Ngày 15/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S có Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTTHS kết luận: 70 con heo con có giá trị là 126.000.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu đồng)

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ngãi có Kết luận số 485/KLGĐ-PC09, Kết luận: Dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE, màu đen, số IMEI: 359173070169588. Phía sau vỏ lưng điện thoại có dòng chữ số Model A1784FCCID BCG-E3092A IC5719C-E3092A và thẻ sim có dãy số 8984048000064647811, bao gồm:

Không có dữ liệu cuộc gọi đến, gọi đi, tin nhắn gửi đến, gửi đi trong ngày 16/5/2020.

Có 01 hình ảnh chụp mẫu phiếu chuyển tiền trong thư mục hình ảnh của điện thoại.

Không có dữ liệu liên quan đến mẫu phiếu chuyển tiền trong gmail có tên vivi200192b@gmail.com lưu trữ trong bộ nhớ điện thoại.

Không xác định được số điện thoại của thẻ sim có dãy số 8984048000064647811 do thẻ sim đã ngừng hoạt động.

Dữ liệu lưu trữ trong thẻ sim 4G mobifone, số seri 8401181133081729WD và thẻ sim 4G mobifone, số seri 8401190833164066 WD, bao gồm:

Số điện thoại của thẻ sim 4G mobifone, số seri 8401181133081729WD là 84795754185.

Số điện thoại của thẻ sim 4G mobifone, số seri 8401190833164066 WD là 84774575189.

Không có dữ liệu cuộc gọi đến, gọi đi, tin nhắn gửi đến, gửi đi trong ngày 16/5/2020

Không có dữ liệu hình ảnh liên quan đến mẫu phiếu chuyển tiền.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-NH ngày 18-10-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo **Trần Thị Vi V** về tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**" quy định tại điểm c khoản 02 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo **Trần Thị Vi V** phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 02 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Vi V từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về dân sự: Đã giải quyết xong, nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo số tiền 2.500.000đ; 02 khẩu trang y tế màu trắng, 01 quần JEAN dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng xanh (màu xanh là chủ đạo), 01 mũ vành loại mũ vãi của nữ màu xanh, thân mũ có một cái nơ, vành mũ có nhiều hoa văn hình bông hoa.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động IPHONE màu đen số IMEI: 359173070169588, phía sau vỏ lưng điện thoại có dòng chữ số Model A1784FCCIDBCG-E3092AIC5719-E3092A.

Tịch thu tiêu hủy: Thẻ sim có dãy số 89840480000064647811; 01 thẻ sim 4G Mobifone số seri 8401181133081729WD; thẻ sim 4G Mobifone, số seri 8401190833164066WD.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thị Vi V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Trần Thị Vi V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, lời luận tội của Viện kiểm sát chưa áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ chưa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật; bị cáo đã giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc điều tra và đã tự nguyện bồi thường toàn bộ cho bị hại; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có giấy xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo nuôi con nhỏ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36

Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập hằng tháng của bị cáo từ 300.000đ đến 500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Vi V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Thị Vi V là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, nên từ ngày 16/5/2020 đến ngày 17/5/2020 bị cáo sử dụng điện thoại di động IPHONE để liên lạc thỏa thuận mua bán 70 con heo con giống của chị Lê Thị O với giá thỏa thuận là 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng). Bị cáo vào tập tin WORD lưu sẵn trên điện thoại rồi dùng thủ đoạn gian dối tự tạo phiếu chuyển tiền thành công vào tài khoản mà chị O cung cấp, rồi chụp ảnh gửi cho chị O để chị O tin tưởng bị cáo đã chuyển tiền, nên chị O đã giao heo cho bị cáo. Sau khi bị cáo nhận được heo thì bị cáo bán lại với giá 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận 70 con heo con có giá trị là 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Vi V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị Vi V trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo đã bị Công an thành phố Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xét xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là nữ giới, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn và bị cáo là người trực tiếp chăm sóc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự tại Điều 54 Bộ luật hình sự hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề để thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với những người nhận tiền từ bị cáo Trần Thị Vi V, gồm: bà Phan Thị Kim A1, Trần Bảo T2 không biết tiền do bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật mà có; nên cơ quan điều tra không xử lý đối với những người này là phù hợp và Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Đối với ông Châu Hoàng H1 cho bị cáo mượn chuồng để giữ 70 con heo con từ ngày 17/5/2020 đến ngày 18/5/2020 và được bị cáo cho 02 con heo. Ông H1 không biết số heo này là do bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông H1 là phù hợp với pháp luật.

[8] Đối với ông Nguyễn Phúc T1 là người vận chuyển heo từ Quảng Nam đến Quảng Ngãi. Ông T1 không biết số heo này do bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông T1 là phù hợp với pháp luật.

[9] Đối với người đàn ông mà bị cáo thuê tại cây xăng Y ở thành phố Quảng Ngãi để đi đến tỉnh Quảng Nam nhận heo với bị cáo, và tài xế xe ô tô tải mà bị cáo thuê từ Quảng Bình chở heo đi đến Quảng Nam, và người đàn ông mua 68 con heo con mà bị cáo bán vào ngày 18/5/2020; bị cáo không xác định được lai lịch những người này và trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã áp dụng các biện pháp nhưng không xác định được. Khi nào xác định được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường xong, không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 173.000.000đ, bị cáo và bà Phan Thị Kim A1 tự nguyện giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho bà Lê Thị O 170.500.000đ, số tiền còn lại 2.500.000đ cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc giỏ tre chứa heo con và 01 con heo con thu giữ tại nhà ông Châu Hoàng H1, đây là tài sản của bà Lê Thị O, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho bà O theo quy định là phù hợp.

Đối với những tài sản gồm: 02 khẩu trang y tế màu trắng, 01 quần JEAN dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng xanh (màu xanh là chủ đạo), 01 mũ vành loại mũ vãi của nữ màu xanh, thân mũ có một cái nơ, vành mũ có nhiều hoa văn hình bông hoa. Đây là trang phục của bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, không phải công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định.

Đối với 01 điện thoại di động IPHONE màu đen số IMEI: 359173070169588, phía sau vỏ lưng điện thoại có dòng chữ số Model A1784FCCIDBCG-E3092AIC5719-E3092A. Đây là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với thẻ sim có dãy số 8984048000064647811; 01 thẻ sim 4G Mobifone số seri 8401181133081729WD; thẻ sim 4G Mobifone, số seri 8401190833164066WD. Đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nhưng có giá trị thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Vi V phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện S phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Đối với đề nghị của người bào chữa trái với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 2, Điều 174; điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 32; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Vi V** phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**".

2- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Vi V** 01 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3- Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Trần Thị Vi V, gồm: Số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) được chuyển khoản từ tài khoản của Công an huyện S sang tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S tại Kho bạc Nhà nước huyện S (Có ủy nhiệm chi kèm theo); 02 khẩu trang y tế màu trắng; 01 quần JEAN dài màu đen; 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng xanh (màu xanh là chủ đạo); 01 mũ vành loại mũ vải của nữ màu xanh, thân mũ có một cái nơ, vành mũ có nhiều hoa văn hình bông hoa.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động IPHONE màu đen số IMEI: 359173070169588, phía sau vỏ lưng điện thoại có dòng chữ số Model A1784FCCIDBCG-E3092AIC5719-E3092A.

Tịch thu tiêu hủy: Thẻ sim có dãy số 8984048000064647811; 01 thẻ sim 4G Mobifone số seri 8401181133081729WD; thẻ sim 4G Mobifone, số seri 8401190833164066WD.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

4- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Vi V phải nộp **200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình; quyền kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- Cơ quan THAHS CA huyện S;
- Nhà tạm giữ CA huyện S;
- Cơ quan CSĐT CA huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ